

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 3 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2019/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2020. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Cẩm T, sinh năm: 1995; địa chỉ cư trú: Ấp Trảng Tranh, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1993; địa chỉ cư trú: Ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Bùi Thị Cẩm T trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Thanh Q tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Chị và Anh Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/4/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Anh Q không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con mà chỉ ham mê cờ bạc, cá độ đá banh gây ra nợ nần dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên bất hòa với nhau.

Trong quá trình chung sống chị và Anh Q có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017, hiện con đang chung sống với chị T.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Thanh Q

Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017, không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Anh Nguyễn Thanh Q trình bày: Anh Q xác định lời trình bày của Chị Bùi Thị Cẩm T về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng.

Anh Q thừa nhận bản thân anh có ăn chơi gây ra nợ nần cho gia đình, anh không thường xuyên quan tâm đến vợ con dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Nay bản thân anh đã biết sai trái và xin cam kết thời gian tới anh sẽ sửa đổi.

Nay chị T khởi kiện xin được ly hôn thì anh không đồng ý, anh còn thương vợ con và xin được đoàn tụ về chung sống với chị T để chăm lo cho con nhỏ.

Nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Về con chung: Anh Q đồng ý giao con tên Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Q nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị T và Anh Q chung sống với nhau vào năm 2016, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 21/4/2016. Do vậy việc kết hôn của chị T và Anh Q đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị T và anh Q, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ vì

mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, dẫn đến chị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Quy. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau nhưng chị T cương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng Anh Q không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con mà chỉ ham mê cờ bạc, cá độ đá banh gây ra nợ nần dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nên xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mâu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị T cương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với Anh Q nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và Anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và Anh Q xác định anh, chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017. Hiện con đang chung sống với chị T do chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con - xét yêu cầu này của chị T là có cơ sở chấp nhận- Bởi lẽ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha, mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Trong khi đó cháu Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017 đến nay chỉ mới 35 tháng 10 ngày tuổi và chị T cũng đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác tại phiên tòa Anh Q cũng đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử nghị nên giao cháu Thiên Di cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu sau này Anh Q xét thấy chị T không chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thiên Di được tốt thì Anh Q có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Chị T và Anh Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008072 ngày 27/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Bùi Thị Cẩm T được ly hôn với Anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Di, sinh ngày: 30/3/2017 cho Chị Bùi Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Nguyễn Thanh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Chị Bùi Thị Cẩm T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008072 ngày 27/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/3/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm